

Số: 110A/BC-BCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dầu khí thay thế Luật Dầu khí năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2000 và 2008**

Kính gửi: Chính phủ

Bộ Công Thương kính báo cáo Chính phủ về đánh giá tác động của Chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dầu khí thay thế Luật Dầu khí năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2000 và 2008 như sau:

I. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật Dầu khí của Việt Nam được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 06 tháng 7 năm 1993 mở đầu quan trọng cho việc hình thành khung pháp lý cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Từ đó tới nay, Luật Dầu khí đã hai lần được sửa đổi, bổ sung:

1. Luật số 19/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dầu khí, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 (gọi tắt là Luật Dầu khí 2000);

2. Luật số 10/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dầu khí, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 (gọi tắt là Luật Dầu khí 2008).

3. Tại điều 30 Luật 35/2018/QH14 Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018 đã bỏ từ "quy hoạch" tại Điểm a Khoản 2 Điều 38 của Luật Dầu khí.

Luật Dầu khí 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 và 2008 cùng với các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn trong những năm qua đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành dầu khí trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí, mang lại những đóng góp quan trọng vào ngân sách nhà nước, sự phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế và trong nước đã có nhiều thay đổi, tác động lớn đến sự phát triển của ngành dầu khí Việt Nam. Tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến theo hướng phức tạp, căng thẳng và mất ổn định hơn, đưa đến nhiều khó khăn, thách thức mới đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trên biển của Việt Nam. Nhiều mỏ dầu khí đã qua giai đoạn khai thác đỉnh cao đang trong đà suy giảm sản lượng nhanh. Các Lô dầu khí mới có tiềm năng dầu khí hạn chế, trữ lượng nhỏ, thuộc vùng nước sâu, xa bờ hoặc có địa chất phức tạp, kết hợp với giá dầu biến động khó lường nên công tác kêu gọi đầu tư gặp rất nhiều khó khăn.

Hoạt động dầu khí là một ngành đặc thù. Hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác có nhiều rủi ro; hoạt động khai thác vận hành có nguy cơ cao về cháy, nổ, dầu khí phun.... đặc biệt với các dự án công trình dầu khí ngoài biển độc lập, xa bờ, công việc phụ thuộc vào điều kiện môi trường thời tiết biển khắc nghiệt, có nhiều yếu tố ngẫu nhiên nguy hiểm như sóng, gió bão, dòng chảy, thủy triều... Bên cạnh đó, giá dầu thô phụ thuộc vào thị trường thế giới, vừa qua có những biến động bất thường nằm ngoài dự báo của các tổ chức, tư vấn quốc tế.

Qua thực tiễn theo dõi, quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí, cũng như đánh giá thực tế cho thấy Luật Dầu khí cùng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động dầu khí cùng với các yêu cầu về hội nhập đã phát sinh một số vấn đề vướng mắc, bất cập cần phải được giải quyết, khắc phục để cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho các hoạt động dầu khí phát triển.

Các vướng mắc, bất cập ở một số nội dung chủ yếu cụ thể sau đây:

(i) Chưa có quy định điều chỉnh đối với đối tượng dầu khí phi truyền thống (như khí sét, băng cháy, ...).

(ii) Chưa có quy định để phản ánh tình huống phát sinh thực tế là hệ thống thiết bị của các dự án khai thác dầu khí có thể phải được xây dựng ở ngoài diện tích hợp đồng đã được xác định ban đầu (gồm tuyến ống dẫn sản phẩm từ mỏ về bờ, nhà máy xử lý khí ở trên bờ, đường ống dẫn khí thương phẩm tới các hộ tiêu thụ, như trường hợp Dự án phát triển mỏ Cá Voi Xanh, Lô 117-118-119), được xây dựng, lắp đặt trên đất liền nên có vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai dự án.

(iii) Quy định về thời hạn hợp đồng, gia hạn của hợp đồng dầu khí chưa linh hoạt để khuyến khích, ưu tiên cho nhà thầu dầu khí hiện hữu đầu tư lâu dài hơn (hợp đồng có thời hạn dài hơn hoặc theo đời mỏ).

(iv) Chưa có quy định cụ thể cho trường hợp Nhà đầu tư thực hiện đầu tư cả chuỗi dự án từ khâu tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý, tăng trữ, chế biến dầu khí để khuyến khích các nhà thầu dầu khí đầu tư cho cả chuỗi dự án dầu khí.

(v) Chưa có khung pháp lý phù hợp cho việc tiếp nhận tài sản sau khi Nhà thầu hoạt động khai thác chuyển giao cho nước chủ nhà vào thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí để có thể khai thác tận thu tối đa nguồn tài nguyên trong thời gian còn lại (khoảng từ 3 đến 5 năm) hoặc tiếp tục đầu tư tận thăm dò, gia tăng sản lượng khai thác (như trường hợp Lô 01/97&02/97, Lô 46/13,...).

(vi) Chưa có các cơ chế khuyến khích phù hợp cho việc phát triển khai thác các mỏ nhỏ cận biên, các hoạt động đầu tư bổ sung nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu (EORIOR).

(vii) Các quy định pháp luật về khuyến khích đầu tư đối với các dự án dầu khí được ban hành từ lâu (năm 2005), đến nay một số tiêu chí không còn phù hợp với tình hình thực tế, chưa tương thích với việc ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của

pháp luật về đầu tư; chưa có quy định về dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí đối với các diện tích hợp đồng còn mở hiện tại vùng nước sâu xa bờ, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh...

(viii) Điều khoản ổn định pháp luật trong Luật Dầu khí (Điều 48 - "*Chính phủ Việt Nam bảo đảm các quyền lợi về kinh tế của các bên đã ký kết các Hiệp định, hợp đồng dầu khí và đã được Chính phủ Việt Nam chuẩn y trước ngày Luật này có hiệu lực*") và trong Hợp đồng mẫu Hợp đồng Chia sản phẩm dầu khí ban hành kèm theo Nghị định số 33/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ (Điều 18.1.3) mới chỉ tập trung vào quyền lợi và nghĩa vụ thuế (thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu) trong khi quy định về bảo đảm đầu tư trong Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có phạm vi rộng hơn (Bảo đảm: quyền sở hữu tài sản, hoạt động đầu tư kinh doanh, quyền chuyển tài sản của nhà đầu tư nước ngoài ra nước ngoài, đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật;...). Các quy định về Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp trong các Hợp đồng dầu khí cần được cập nhật, bổ sung phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập quốc tế sâu rộng.

(ix) Chưa có quy định về quyết toán dự án phù hợp với đặc thù của hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí và thông lệ quốc tế. Hiện mới chỉ có hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc vận dụng quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo Luật Xây dựng.

(x) Chưa có quy định cho phép bên thứ ba được tiếp cận các hạ tầng cơ sở sẵn có của ngành dầu khí để nâng cao hiệu quả sử dụng.

(xi) Một số VBQPPL mới được ban hành phát sinh các vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng dầu khí ký kết theo quy định của Luật Dầu khí ảnh hưởng đến việc triển khai hoạt động dầu khí của Nhà thầu (như: áp dụng tiền thuê mặt nước, mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp trong nước, việc các nhà thầu bán chung các sản phẩm của hoạt động dầu khí là đối tượng miễn trừ của Luật Cạnh tranh...) nên rất khó khăn trong việc hướng dẫn nhà thầu thực hiện nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh, tiềm ẩn các khả năng phát sinh tranh chấp.

(xii) Theo Luật Dầu khí và các Nghị định hướng dẫn, đối với dự án đầu tư dầu khí, PVN trình Bộ Công Thương (hồ sơ Dự án đầu tư dầu khí, Hợp đồng đầu tư dầu khí, Kế hoạch phát triển mỏ,...) chủ trì xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Luật Dầu khí quy định: "Bộ Công Thương chịu trách nhiệm... chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng đầu tư, dự án đầu tư dầu khí theo quy định của pháp luật về đầu tư". Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây: ... đ) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Dầu khí*". Do vậy, cần có quy

định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh trong pháp luật về dầu khí thay vì dẫn chéo sang Luật Đầu tư. Bên cạnh đó, đối với PVN (doanh nghiệp nhà nước), PVEP (công ty 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước) còn phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các VBQPPL hướng dẫn Luật (hiện còn có quy định chồng chéo về các bước duyệt dự án: chủ trương đầu tư, báo cáo đầu tư,...). Do vậy, cần có sự nhất quán về việc phê duyệt các bước triển khai dự án tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí theo Luật Dầu khí, Luật Đầu tư và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực dầu khí.

(xiii) Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được xây dựng dựa trên nền tảng của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. Hiện nay một số chuẩn mực kế toán quốc tế đã được các công ty dầu khí quốc tế áp dụng trong đó có 2 chuẩn mực ảnh hưởng lớn đối với lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí bao gồm: (1) IAS 36 - Tồn thất tài sản: chuẩn mực này cho phép doanh nghiệp xác định tài sản có khả năng bị tổn thất và hướng dẫn cách ghi nhận/phản ánh giá trị tồn thất tài sản này vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp; (2) IFRS 6 - Thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản: chuẩn mực này quy định việc trình bày báo cáo tài chính đối với doanh nghiệp hoạt động thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản. Chuẩn mực này một lần nữa cũng quy định doanh nghiệp cần phải xem xét sự giảm giá của tài sản khi có dấu hiệu cho thấy giá trị còn lại của tài sản sử dụng cho khai thác và đánh giá tài nguyên lớn hơn giá trị có thể thu hồi. Do vậy:

- Các chi phí tìm kiếm thăm dò rủi ro không được ghi giảm ngay vào kỳ báo cáo mà đang được theo dõi trên bảng cân đối kế toán tại hạng mục tài sản dài hạn chờ phân bổ dần theo tỷ lệ sản lượng khai thác khi có phát hiện thương mại.

- Ngay cả trong quá trình khai thác, một số dự án gặp rủi ro trong dự báo trữ lượng thu hồi/sản lượng khai thác, một số dự án có giá thành cao hơn giá bán (đặc biệt khi giá dầu giảm sâu) nên hiệu quả kinh tế suy giảm, không thể thu hồi hết chi phí đã đầu tư, tuy nhiên các chi phí khai thác của các dự án này chỉ được hạch toán phân bổ hàng tháng theo tỷ lệ sản lượng khai thác trong kỳ trên trữ lượng khai thác còn lại dự kiến đến hết đời mỏ.

(xiv) Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Khoản 14 Điều 3 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Hợp đồng dầu khí được coi như là hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC). Theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, cấm công ty mẹ - công ty con cùng nhau thực hiện BCC. Do vậy, các Hợp đồng dầu khí trước đây đã ký có sự tham gia của PVN và PVEP là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

(xv) Một số vấn đề đang được quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Dầu khí cần được quy định trong Luật Dầu khí để nâng cao hiệu lực thi hành và đảm bảo tính đồng bộ, tương thích với các Luật khác (như: nghĩa vụ thu dọn công trình dầu khí; các bước thực hiện dự án dầu khí,...).

(xvi) Trong những năm gần đây, Quốc hội ban hành nhiều Luật mới khác có liên quan có tác động không nhỏ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành dầu khí Việt Nam như: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Đất đai số 45/2013/QH13, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13...

(xvii) Luật Dầu khí hiện hành không có tên điều, có một số điều khoản bố cục chưa hợp lý (điều khoản phạm vi đối tượng áp dụng ở những điều gần cuối của Luật).

Như vậy, xuất phát từ thực tiễn quản lý, thực trạng thi hành pháp luật và bối cảnh tình hình hiện nay, việc xây dựng Luật Dầu khí mới để thay thế Luật Dầu khí năm 1993, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Dầu khí năm 2000, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Dầu khí năm 2008 (sau đây gọi tắt là Luật Dầu khí mới) là hết sức cần thiết, nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước, loại bỏ rào cản, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho nhà đầu tư, góp phần cải thiện mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư trong lĩnh vực dầu khí.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Chính sách quản lý nhà nước cần hoàn thiện để phù hợp với các hoạt động dầu khí của Việt Nam và hướng tới tiệm cận với thông lệ thế giới, bảo đảm hoạt động dầu khí được an toàn cho người và tài sản, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường, đem lại hiệu quả, quyền lợi của quốc gia cũng như các nhà đầu tư trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

- Nâng cao tính thực tiễn, khả thi của Luật Dầu khí, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống luật pháp trong các hoạt động dầu khí, phù hợp với các cam kết quốc tế và thông lệ dầu khí quốc tế.

- Bảo đảm hoạt động dầu khí được an toàn cho con người và tài sản, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đem lại hiệu quả, quyền lợi của quốc gia cũng như các nhà đầu tư trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dầu khí, hạn chế tối đa những khó khăn, vướng mắc do cơ chế, sự không rõ ràng, chồng chéo, bất cập của hệ thống pháp luật.

- Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài và tư nhân trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trong bối cảnh hoạt động dầu khí ngày càng khó khăn, phức tạp nhất là những khu vực nước sâu, xa bờ, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Bổ sung, hoàn thiện các nội dung quy định liên quan đến Hợp đồng dầu khí

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong quá trình tổng kết thi hành Luật Dầu khí hiện hành, đã phát hiện một số vấn đề bất cập, chưa rõ ràng hoặc chưa được quy định, cụ thể:

- Thời hạn hợp đồng, gia hạn của hợp đồng dầu khí chưa linh hoạt để khuyến khích, ưu tiên cho nhà thầu dầu khí hiện hữu đầu tư lâu dài hơn (hợp đồng có thời hạn dài hơn hoặc theo đời mỏ); chưa cho phép giữ lại phát hiện nhỏ chưa có điều kiện phát triển ở hiện tại, nhưng có tiềm năng ở những kế hoạch khác (hợp tác phát triển chung, công nghệ mới...).

- Diện tích hợp đồng chưa được cập nhật để phản ánh tình huống phát sinh thực tế là hệ thống thiết bị của các dự án khí có thể phải được xây dựng ở ngoài diện tích hợp đồng đã được xác định ban đầu.

- Quy định về cam kết thực hiện hợp đồng chưa linh hoạt. Chưa có quy định cam kết công việc của một diện tích hợp đồng sang thực hiện ở một diện tích hợp đồng khác trong trường hợp hai hợp đồng có cùng một tổ hợp nhà thầu và cùng một người điều hành nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Chưa có quy định về việc Nhà thầu phải có trách nhiệm nghiên cứu, thực hiện gia tăng hệ số thu hồi dầu trong quá trình thực hiện khai thác phát triển mỏ (đồng thời với cơ chế khuyến khích cụ thể).

- Chưa có các quy định cụ thể về nghĩa vụ tài chính và chuyển nhượng quyền lợi tham gia (trực tiếp, gián tiếp) trong hợp đồng dầu khí.

- Chưa có quy định cụ thể cho việc tiếp nhận tài sản sau khi nhà thầu kết thúc hợp đồng dầu khí chuyển giao cho nước chủ nhà.

- Chưa có quy định việc trích lập quỹ thu dọn công trình dầu khí (việc quy định trích lập quỹ ở Văn bản hướng dẫn Luật).

- Điều khoản ổn định pháp luật trong Luật Dầu khí và trong Hợp đồng mẫu Hợp đồng Chia sản phẩm dầu khí ban hành kèm theo Nghị định số 33/2013/NĐ-CP chỉ tập trung vào quyền lợi và nghĩa vụ thuế trong khi quy định về bảo đảm đầu tư trong Luật Đầu tư có phạm vi rộng hơn.

- Các quy định về luật áp dụng và giải quyết tranh chấp trong các Hợp đồng dầu khí cần được cập nhật phù hợp với pháp luật hiện hành, Điều ước quốc tế đã ký kết mà Việt Nam là thành viên và thông lệ dầu khí thế giới.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Với tính chất là một Luật chuyên ngành quy định các chính sách về hợp đồng dầu khí phải bảo đảm tính đặc thù của hoạt động dầu khí, đồng thời bảo đảm tính thống nhất trong các văn bản liên quan, tạo ra một môi trường pháp lý công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ dầu khí thế giới, phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm cho các hoạt động dầu khí đúng pháp luật, an toàn hiệu quả.

- Tạo cơ chế, chính sách phù hợp đối với nhà thầu trong các hoạt động dầu khí tham gia vào ký kết các Hợp đồng dầu khí (đặc biệt là các khu vực nước sâu, xa bờ, đảm bảo an ninh, quốc phòng), phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án cho vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành về hợp đồng dầu khí.

(ii) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp đồng dầu khí. Theo đó:

+ Thời hạn hợp đồng theo hướng linh hoạt, ưu tiên cho Nhà thầu đang thực hiện hợp đồng.

+ Mở rộng diện tích, việc hoàn trả, giữ lại diện tích hợp đồng theo hướng linh hoạt hơn, có chính sách ưu tiên cho Nhà thầu đang thực hiện hợp đồng.

+ Việc chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí linh hoạt hơn, có chính sách ưu tiên gia hạn cho bên ký hợp đồng dầu khí hiện tại.

+ Nghĩa vụ tài chính về chuyển nhượng quyền lợi tham gia (trực tiếp, gián tiếp) trong hợp đồng dầu khí theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn; cam kết thực hiện hợp đồng theo hướng linh hoạt, chi tiết hơn.

+ Việc tiếp nhận của nước chủ nhà trong chuyển giao hợp đồng dầu khí từ Nhà thầu vào thời điểm kết thúc hợp đồng.

+ Việc lập trích lập quỹ phục vụ cho việc thu dọn công trình dầu khí và quá trình tiến hành việc thu dọn công trình đảm bảo an toàn cho con người, công trình và môi trường.

+ Việc đảm bảo đầu tư, ổn định pháp luật đồng bộ với các luật hiện hành.

+ Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp phù hợp với pháp luật hiện hành, các Điều ước quốc tế đã ký kết mà Việt Nam là thành viên và thông lệ dầu khí thế giới.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên các quy định về hợp đồng dầu khí

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên Luật Dầu khí như hiện nay, các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) sẽ không được giải quyết; khó ký kết các hợp đồng dầu khí mới với các nhà đầu tư nước ngoài, không thúc đẩy hoạt động dầu khí để đóng góp mới cho ngân sách nhà nước. Việc xem xét điều chỉnh ở các Luật liên quan là rất phức tạp và không khả thi.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Nếu các tồn tại, bất cập hiện nay của Luật Dầu khí không được giải quyết có thể gây ra tâm lý lo ngại cho các nhà thầu, nhà đầu tư. Việc không ký kết được các hợp đồng dầu khí mới sẽ không tạo thêm công ăn, việc làm cho người lao động; tác động tiêu cực đến công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền trên biển của Việt Nam.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Các tồn tại, bất cập hiện nay của Luật Dầu khí có thể làm kéo dài các thủ tục hành chính đối với nhà thầu, nhà đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Các tồn tại, bất cập hiện nay của Luật Dầu khí có thể dẫn đến việc áp dụng không đồng bộ pháp luật có liên quan.

1.4.2. Tác động của phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Hợp đồng dầu khí

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung, sửa đổi các quy định liên quan đến hợp đồng dầu khí không làm phát sinh chi phí, theo hướng thuận lợi hơn cho nhà đầu

tư nên có thể ký kết các hợp đồng dầu khí mới, đóng góp cho ngân sách nhà nước (thông qua các loại thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu dầu thô, thuế thu nhập doanh nghiệp,...) và sự phát triển ngành dầu khí.

- Tác động tiêu cực:

+ Với cơ quan nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Với nhà đầu tư: Không có.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Việc các nhà đầu tư tham gia, thực hiện được nhiều các hợp đồng dầu khí góp phần vào sự phát triển của ngành dầu khí sẽ đem lại những tác động rất tích cực đến ổn định xã hội, tạo công ăn việc làm, nâng cao trình độ... góp phần phát triển đất nước.

+ Tăng cường hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại, hội nhập phát triển.

+ Có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Giải quyết các tồn tại, bất cập hiện nay của Luật Dầu khí, bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật có liên quan.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(vi) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Chính sách sẽ tác động tích cực đến các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí và các tổ chức, đơn vị, nhà thầu, Người điều hành... có liên quan đến các hoạt động dầu khí.

- Đối với nhà thầu đầu tư/nhà thầu dầu khí: tạo sự thuận lợi, linh hoạt, rõ ràng, minh bạch trong hợp đồng dầu khí, giúp nhà đầu tư, nhà thầu dầu khí yên tâm khi tiếp tục đầu tư vào hoạt động dầu khí. Tiết kiệm thời gian trình, xem xét thẩm định, phê duyệt.

- Đối với Nhà nước: thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí, góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc; tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hợp đồng dầu khí tại Luật Dầu khí mới có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

2. Chính sách 2: Quy định việc thực hiện dự án dầu khí theo chuỗi từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Xuất phát từ thực tế triển khai các chuỗi dự án khí hiện nay, hệ thống thiết bị của các dự án khai thác dầu khí có thể phải được xây dựng ở ngoài diện tích hợp đồng đã được xác định ban đầu (gồm tuyến ống dẫn sản phẩm từ mỏ về bờ, nhà máy xử lý khí ở trên bờ, đường ống dẫn khí thương phẩm tới các hộ tiêu thụ, như trường hợp Dự án phát triển mỏ Cá Voi Xanh, Lô 117-118-119). Tuy nhiên, Luật Dầu khí chưa có quy định về phạm vi đầu tư của dự án dầu khí thượng nguồn cho một số hạng mục trên bờ để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc đầu tư vào chuỗi dự án của ngành dầu khí, đảm bảo tính đồng bộ của cả chuỗi dự án, phù hợp đặc thù của ngành dầu khí và thông lệ dầu khí quốc tế. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai,...) có sự khác biệt so với Luật Dầu khí dẫn đến vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án thượng nguồn có hạng mục đầu tư trên bờ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích cho Nhà đầu tư/Nhà thầu dầu khí yên tâm đầu tư vào thực hiện các chuỗi dự án (đặc biệt là các dự án khí) trong các hoạt động dầu khí tại Việt Nam.

Bổ sung sửa đổi các điều khoản quy định về việc triển khai dự án theo chuỗi đối với các hoạt động dầu khí để bảo đảm tính tương thích trong các văn bản pháp luật khác liên quan, tạo ra một môi trường pháp lý công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ dầu khí thế giới, phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án cho vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng (không bổ sung về đầu tư chuỗi dự án dầu khí vào Luật Dầu khí).

(ii) Phương án 2: Bổ sung quy định việc thực hiện dự án dầu khí theo chuỗi từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý. Theo đó:

- Thống nhất cách thức triển khai dự án trong việc đầu tư vào chuỗi các hoạt động dầu khí, đảm bảo tương thích với hệ thống pháp luật chung về đầu tư, xây dựng, đất đai...

- Phù hợp với đặc thù ngành dầu khí (nhiều rủi ro trong tìm kiếm thăm dò, khai thác ngoài biển nước sâu, xa bờ) và thông lệ dầu khí quốc tế.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên Luật Dầu khí như hiện nay, các vấn đề tồn tại, bất cập (đã phát hiện) sẽ không được giải quyết; khó thúc đẩy các dự án đầu tư theo chuỗi (như Chuỗi dự án khí Cá Voi Xanh) do vướng mắc trong áp dụng quy định pháp luật, ảnh hưởng tiêu cực đến quy hoạch điện lực quốc gia, an ninh năng lượng và nguồn thu ngân sách nhà nước

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Nếu không có quy định về đầu tư dự án theo chuỗi, việc triển khai các dự án khí lớn sẽ gặp vướng mắc. Việc không thu hút được các dự án triển khai theo chuỗi sẽ không tạo thêm công ăn, việc làm cho người lao động; có thể tác động tiêu cực đến công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền trên biển của Việt Nam.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Nhà đầu tư/Nhà thầu dầu khí, PVN nếu đầu tư theo chuỗi phải làm nhiều thủ tục trình duyệt, ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ triển khai và hiệu quả kinh tế của dự án.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Việc triển khai các dự án dầu khí theo chuỗi gặp khó khăn khi áp dụng pháp luật có liên quan (Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai,...), không phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí.

2.4.2. Tác động của phương án 2: Bổ sung quy định việc thực hiện dự án dầu khí theo chuỗi từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung quy định việc thực hiện dự án dầu khí theo chuỗi từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý cơ bản không làm phát sinh chi phí, khắc phục được những tồn tại/vướng mắc đã nêu, thuận lợi hơn cho nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí. Việc triển khai thành công các dự án theo chuỗi sẽ đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển của ngành dầu khí.

- Tác động tiêu cực:

+ Với cơ quan nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Với nhà đầu tư: Không có.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Việc triển khai thành công các dự án theo chuỗi sẽ tạo thêm công ăn, việc làm; tăng cường hợp tác quốc tế; đóng góp tích cực cho công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động về mặt thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Bổ sung quy định về việc đầu tư dự án dầu khí theo chuỗi áp dụng Luật Dầu khí, phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ với pháp luật có liên quan.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(vi) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí: sẽ tác động tích cực tạo sự yên tâm cho nhà đầu tư, nhà thầu dầu khí khi tiếp tục đầu tư vào các dự án theo chuỗi trong hoạt động dầu khí.

- Đối với Nhà nước: thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí, góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh quốc phòng; tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc thực hiện dự án dầu khí theo chuỗi từ tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, xử lý tại Luật Dầu khí mới có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

3. Chính sách 3: Quy định về khuyến khích đầu tư dầu khí và đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hoạt động dầu khí là một ngành đặc thù. Hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác có nhiều rủi ro; hoạt động khai thác vận hành có nguy cơ cao về cháy, nổ, dầu khí phun.... đặc biệt với các dự án dầu khí ngoài khơi điều kiện làm việc độc lập xa bờ trong môi trường biển khắc nghiệt, có nhiều yếu tố ngẫu nhiên nguy hiểm như sóng, gió bão, dòng chảy... Trong quá trình tổng kết thi hành Luật Dầu khí hiện hành, đã phát hiện một số vấn đề bất cập như sau:

+ Các quy định pháp luật về khuyến khích đầu tư đối với các dự án dầu khí được ban hành từ lâu (năm 2005), đến nay một số tiêu chí không còn phù hợp với tình hình thực tế.

+ Chưa có chính sách khuyến khích cho việc phát triển khai thác các mỏ nhỏ, cận biên; đầu tư bổ sung nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu.

+ Chưa có quy định về dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí đối với các diện tích hợp đồng còn mở hiện tại vùng nước sâu xa bờ, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh...

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư/đặc biệt khuyến khích đầu tư phù hợp với đặc thù ngành dầu khí để thu hút các nhà đầu tư để triển khai hoạt động dầu khí ở các khu vực/diện tích thực sự khó khăn (đặc biệt là các khu vực nước sâu, xa bờ, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh).

Bảo đảm tính tương thích, đồng bộ với các chính sách ưu đãi, khuyến khích theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án cho vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung quy định về khuyến khích đầu tư dầu khí và đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí).

(ii) Phương án 2: Sửa đổi quy định về khuyến khích đầu tư dầu khí; bổ sung quy định về đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí. Theo đó:

- Sửa đổi quy định về các dự án được hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư dầu khí (Luật chỉ nêu nguyên tắc chung và giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí xác định các dự án này).

- Bổ sung quy định về các dự án được hưởng các chính sách đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí (Luật chỉ nêu nguyên tắc chung và giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí xác định các dự án này).

Đối với các dự án khuyến khích đầu tư dầu khí, cơ bản giữ nguyên các mức ưu đãi hiện hành (chỉ thay đổi tiêu chí xác định dự án khuyến khích đầu tư dầu khí). Đối với các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí, sẽ nghiên cứu theo hướng: (1) miễn, giảm các loại thuế tài nguyên dầu khí, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu dầu thô trong một vài năm đầu so với mức khuyến khích đầu tư hiện hành để không phải sửa đổi các Luật thuế liên quan; (2) không áp dụng đối với phụ thu dầu lõi; (3) áp dụng tỷ lệ thu hồi chi phí từ 70-80%,...

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như quy định hiện nay, khó thu hút được nhà đầu tư, nhà thầu dầu khí tại những khu vực nước sâu, xa bờ, cận biên..., không đóng góp cho ngân sách nhà nước.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Nếu giữ nguyên như quy định hiện nay, khó thu hút được nhà đầu tư, nhà thầu dầu khí tại những khu vực nước sâu, xa bờ, cận biên..., không tạo ra công ăn việc làm mới; có thể tác động tiêu cực đến công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền trên biển của Việt Nam.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: hiện tại Luật Đầu tư đã có quy định ưu đãi đầu tư đối với dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư, nhưng Luật Dầu khí chưa có quy định, dẫn đến sự thiếu đồng bộ.

3.4.2. Tác động của phương án 2: Sửa đổi quy định về khuyến khích đầu tư dầu khí; bổ sung quy định về đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí.

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung, sửa đổi các quy định nêu trên không làm phát sinh chi phí, các quy định bổ sung/sửa đổi sẽ thu hút nhà thầu đầu tư vào hoạt động dầu khí (ký thêm được các hợp đồng dầu khí mới), đem lại lợi ích cho nhà đầu tư, đóng góp cho ngân sách nhà nước, góp phần phát triển ngành dầu khí, thực hiện được chiến lược an ninh năng lượng của quốc gia.

- Tác động tiêu cực:

+ Với cơ quan nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Với nhà đầu tư: Không có.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực:

+ Sự phát triển của ngành dầu khí sẽ đem lại những tác động rất tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế đất nước, tạo thêm công ăn việc làm.

+ Góp phần tích cực trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại, hội nhập phát triển.

+ Có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong vấn đề quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động về mặt thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Chính sách về cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay. Việc sửa đổi bổ sung các quy định nêu trên giúp thu hút đầu tư tốt hơn.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(vi) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí: tạo điều kiện ưu đãi đầu tư tốt hơn cho các nhà thầu dầu khí phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam (các mô đang suy giảm sản lượng).

- Đối với Nhà nước: thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí, góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh quốc phòng; tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến khuyến khích đầu tư dầu khí và đặc biệt khuyến khích đầu tư dầu khí tại Luật Dầu khí mới có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

4. Chính sách 4: Quy định các bước triển khai dự án trong hoạt động dầu khí

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Qua đánh giá tổng kết thi hành Luật Dầu khí phát sinh bất cập như sau:

Theo Luật Dầu khí và các Nghị định hướng dẫn, đối với dự án dầu khí, PVN trình Bộ Công Thương (hồ sơ Dự án đầu tư dầu khí, Hợp đồng dầu khí, Kế hoạch phát triển mỏ,...) chủ trì xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Luật Dầu khí quy định: “Bộ Công Thương chịu trách nhiệm... chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hợp đồng dầu khí, dự án đầu tư dầu khí theo quy định của pháp luật về đầu tư”.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021: “*Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây: ... đ) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Dầu khí*”.

Tuy nhiên, trong Luật Dầu khí chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư.

Bên cạnh đó, đối với PVN (doanh nghiệp nhà nước), PVEP (công ty 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước) còn phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các VBQPPL hướng dẫn Luật (hiện còn có quy định chồng chéo về các bước duyệt dự án: chủ trương đầu tư, báo cáo đầu tư,...).

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoạt động dầu khí là một ngành đặc thù có nhiều rủi ro, do đó các quy

định các chính sách quy trình thủ tục, các bước triển khai, phê duyệt dự án trong hoạt động dầu khí cần phải cụ thể, rõ ràng phải bảo đảm tính thống nhất với văn bản liên quan, tạo ra một môi trường pháp lý công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ dầu khí thế giới, phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế góp phần bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, các nhân, nhà đầu tư trong các hoạt động dầu khí.

- Bảo đảm sự nhất quán về việc phê duyệt các bước triển khai dự án tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí theo Luật Dầu khí, Luật Đầu tư và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực dầu khí.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, đổi mới, kế thừa phân rõ trách nhiệm quản lý nhà nước trong các hoạt động dầu khí để thực thi có hiệu quả, khắc phục những bất cập, chồng chéo với pháp luật đầu tư và pháp luật quản lý vốn nhà nước.

- Nâng cấp một số quy định tại Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành quy định trong Luật.

4.3. Các giải pháp để xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án cho vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung các bước triển khai dự án trong hoạt động dầu khí trong Luật Dầu khí).

(ii) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung quy định các bước triển khai dự án trong hoạt động dầu khí. Theo đó bổ sung quy định cụ thể về quy trình, thủ tục các bước triển khai dự án tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí (Luật chỉ nêu nguyên tắc chung và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này). Cụ thể:

- Bổ sung các bước triển khai, phê duyệt đối với trong các hoạt động dầu khí mà trước đây được quy định trong các văn bản hướng dẫn Luật; bổ sung quy định về việc ưu tiên áp dụng pháp luật dầu khí (Luật chuyên ngành) trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư dự án dầu khí.

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước (PVN, PVEP,...):

+ Làm rõ các bước trong Luật Dầu khí tương đương với các bước theo pháp luật về đầu tư và pháp luật về quản lý vốn nhà nước bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và đặc thù của ngành dầu khí.

+ Xác định hình thức đầu tư các dự án dầu khí trong nước (là đầu tư dự án thông thường hay đầu tư ra ngoài doanh nghiệp để có cơ chế xử lý rõ ràng).

+ Xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấp thuận/phê duyệt dự án dầu khí khi PVN thực hiện quyền tham gia của nước chủ nhà hoặc thực hiện quyền ưu tiên mua trước trong hợp đồng đầu khí.

+ Bổ sung quy định về thủ tục/quy trình nhượng bán/quyền lợi tham gia của PVN/PVEP phù hợp với đặc thù hoạt động dầu khí.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Các quy định về trình tự, các bước triển khai dự án không rõ ràng làm chậm quá trình triển khai các hoạt động dầu khí dẫn đến có thể gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Việc chậm trễ hoặc không triển khai các hợp đồng dầu khí làm ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội, việc làm, có thể tác động tiêu cực đến công tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền trên biển của Việt Nam.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Nhà đầu tư, nhà thầu dầu khí, đặc biệt là PVN, PVEP phải làm nhiều thủ tục trình duyệt theo quy định của các Luật: Dầu khí, Đầu tư, Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của dự án.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Phải tham chiếu nhiều VBQPPL dẫn đến vướng mắc, chồng chéo trong áp dụng luật; một số quy định chưa phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí, đặc biệt là hoạt động dầu khí ngoài khơi nước sâu xa bờ.

4.4.2. Tác động của phương án 2: Sửa đổi, bổ sung quy định các bước triển khai dự án trong hoạt động dầu khí

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung, sửa đổi các quy định nêu trên không làm phát sinh chi phí, các quy định bổ sung/hiệu chỉnh sẽ khắc phục tối đa những tổn tại/vướng mắc chồng chéo với pháp luật đầu tư và pháp luật quản lý

vốn nhà nước, đem lại lợi ích cho nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí, các doanh nghiệp nhà nước, góp phần phát triển ngành dầu khí.

- Tác động tiêu cực:

+ Với cơ quan nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Với nhà đầu tư: Không có.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chính sách sẽ tạo thuận lợi hơn trong thực hiện dự án dầu khí, tác động tích cực đến phát triển của ngành dầu khí, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; góp phần tích cực trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại, hội nhập phát triển; có ý nghĩa quan trọng trong vấn đề quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động về mặt thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Chính sách về cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay. Việc sửa đổi bổ sung thêm một số quy định nêu trên làm cho các công tác quản lý nhà nước và thực hiện các hoạt động dầu khí thuận lợi, hiệu quả, thu hút đầu tư tốt hơn.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(vi) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước: tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quy trình, thủ tục đầu tư.

- Đối với Nhà nước: thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí, góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh quốc phòng; tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định các bước triển khai dự án trong hoạt động dầu khí tại Luật Dầu khí mới có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối

với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

5. Chính sách 5: Quy định về công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Qua đánh giá tổng kết thi hành Luật Dầu khí, có thể thấy rằng:

(i) Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được xây dựng dựa trên nền tảng của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. Hiện nay một số chuẩn mực kế toán quốc tế đã được các công ty dầu khí quốc tế áp dụng trong đó có 2 chuẩn mực ảnh hưởng lớn đối với lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí bao gồm: (1) IAS 36 - Tồn thất tài sản: chuẩn mực này cho phép doanh nghiệp xác định tài sản có khả năng bị tổn thất và hướng dẫn cách ghi nhận/phản ánh giá trị tồn thất tài sản này vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp; (2) IFRS 6 - Thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản: chuẩn mực này quy định việc trình bày báo cáo tài chính đối với doanh nghiệp hoạt động thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản. Chuẩn mực này một lần nữa cũng quy định doanh nghiệp cần phải xem xét sự giảm giá của tài sản khi có dấu hiệu cho thấy giá trị còn lại của tài sản sử dụng cho khai thác và đánh giá tài nguyên lớn hơn giá trị có thể thu hồi. Do vậy:

- Các chi phí tìm kiếm thăm dò rủi ro không được ghi giảm ngay vào kỳ báo cáo mà đang được theo dõi trên bảng cân đối kế toán tại hạng mục tài sản dài hạn chờ phân bổ dần theo tỷ lệ sản lượng khai thác khi có phát hiện thương mại.

- Ngay cả trong quá trình khai thác, một số dự án gặp rủi ro trong dự báo trữ lượng thu hồi/sản lượng khai thác, một số dự án có giá thành cao hơn giá bán (đặc biệt khi giá dầu giảm sâu) nên hiệu quả kinh tế suy giảm, không thể thu hồi hết chi phí đã đầu tư, tuy nhiên các chi phí khai thác của các dự án này chỉ được hạch toán phân bổ hàng tháng theo tỷ lệ sản lượng khai thác trong kỳ trên trữ lượng khai thác còn lại dự kiến đến hết đời mỏ.

(ii) Về quyết toán dự án hoàn thành, hiện chưa có quy định phù hợp với đặc thù của hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí và thông lệ quốc tế; mới chỉ có hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc vận dụng quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo Luật Xây dựng.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung sửa đổi các quy định về công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí, tạo ra một môi trường pháp lý công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ dầu khí thế giới, phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án cho vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng (không sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí).

(ii) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí. Theo đó:

- Bổ sung một số quy định về chuẩn mực kế toán, kiểm toán đối với hoạt động dầu khí phù hợp với thông lệ dầu khí thế giới.

- Bổ sung các quy định về quyết toán dự án dầu khí cũng như các vấn đề về thanh lý, chuyển giao tài sản.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Các vấn đề kế toán, kiểm toán, quyết toán chưa quy định rõ ràng, cụ thể dẫn tới vướng mắc trong thực hiện các công tác này, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhà nước (PVN, PVEP).

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhà nước (PVN, PVEP) trong thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh các thủ tục giải trình, bổ sung đối với doanh nghiệp nhà nước (PVN, PVEP).

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Phải tham chiếu đến các VBQPPL khác, có thể chưa hoàn toàn phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí tại Việt Nam.

5.4.2. Tác động của phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung, sửa đổi các quy định nêu trên không làm phát sinh chi phí, đồng thời khắc phục những khoảng trống đối với công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhà nước (PVN, PVEP), phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Tác động tiêu cực:

+ Với cơ quan nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Với nhà đầu tư: Không có.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chính sách sẽ tạo thuận lợi hơn trong thực hiện dự án dầu khí, tác động tích cực đến phát triển của ngành dầu khí, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; góp phần tích cực trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại, hội nhập phát triển; có ý nghĩa quan trọng trong vấn đề quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động về mặt thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Chính sách về cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay. Việc sửa đổi bổ sung thêm một số quy định nêu trên làm cho các công tác quản lý nhà nước và thực hiện các hoạt động dầu khí thuận lợi, hiệu quả, thu hút đầu tư tốt hơn.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(vi) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí: tạo quy định phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Đối với Nhà nước: bảo đảm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực kế toán, quyết toán, kiểm toán hoạt động dầu khí phù hợp với thông lệ quốc tế.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác kế toán, quyết toán, kiểm toán trong hoạt động dầu khí tại Luật Dầu khí mới có tác động tích cực với nhiều chủ

thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

6. Chính sách 6: Bổ sung quy định việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí

6.1. Xác định vấn đề bắt cập

Qua đánh giá tổng kết thi hành Luật Dầu khí, có thể thấy rằng: Sau gần 40 năm phát triển, ngành dầu khí đã xây dựng được các cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động dầu khí (các công trình xử lý dầu khí, kho chứa/xử lý nổi ngoài biển, hệ thống đường ống vận chuyển khí vào bờ...), trong đó nhiều hạng mục mang tính độc quyền tự nhiên. Do chưa có quy định về việc bên thứ ba được tiếp cận các cơ sở hạ tầng sẵn có này nên nhiều khi chưa phát huy tối đa công suất, hiệu quả sử dụng của các hệ thống cơ sở hạ tầng có sẵn, gây lãng phí trong đầu tư và không khuyến khích, thúc đẩy phát triển các dự án dầu khí lân cận. Vì vậy, cần bổ sung các quy định về vấn đề này vào trong Luật. Việc này là phù hợp với thực tiễn và đặc thù hoạt động dầu khí tại Việt Nam và thông lệ quốc tế.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhằm bổ sung quy định việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động dầu khí thông qua các hợp đồng dịch vụ. Luật Dầu khí mới sẽ quy định các nguyên tắc chính về việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí; Chính phủ sẽ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Dầu khí (thay thế Nghị định số 95/2015/NĐ-CP), trong đó quy định, hướng dẫn các nội dung cụ thể.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Có hai phương án cho vấn đề này:

(i) Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng (không bổ sung quy định việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí trong Luật Dầu khí).

(ii) Phương án 2: Bổ sung quy định việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí (thông qua hợp đồng dịch vụ/thương mại giữa các bên).

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.4.1. Tác động của phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Các chủ thể liên quan không phát sinh nguồn lực, thời gian để thực hiện các nghiên cứu, sửa đổi, hoặc tổ chức thực thi các quy định pháp luật mới.

- Tác động tiêu cực: Việc chưa có quy định cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí có thể gây lãng phí cơ sở hạ tầng sẵn

có (đã được ngành dầu khí đầu tư xây dựng gần 40 năm), chưa khuyến khích được các nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí tận dụng cơ sở hạ tầng có sẵn để giảm chi phí để phát triển các mỏ nhỏ, cận biên, khai thác tận thu...

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Chưa phát hiện.

- Tác động tiêu cực: Không tạo thêm công ăn việc làm, không thúc đẩy các hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Không có tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

6.4.2. Tác động của phương án 2: Bổ sung quy định việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí

(i) Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Việc bổ sung, sửa đổi các quy định nêu trên không làm phát sinh chi phí, góp phần sử dụng tối ưu hệ thống hạ tầng sẵn có nhằm giảm chi phí, tận thu tài nguyên dầu khí, đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Với cơ quan nhà nước: phát sinh nguồn lực để thực hiện nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

+ Với nhà đầu tư: Không có.

(ii) Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: Thúc đẩy việc đầu tư các mỏ nhỏ, cận biên, các dự án cung cấp LNG, tạo công ăn việc làm; góp phần tích cực trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại, hội nhập phát triển; có ý nghĩa quan trọng trong vấn đề quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện.

(iii) Tác động về giới

Không có.

(iv) Tác động về mặt thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thêm thù tục hành chính mới.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện

(v) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: Cơ bản không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật hiện nay.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện.

(vi) Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí: tạo quy định phù hợp để nhà đầu tư/nhà thầu dầu khí (bên thứ ba) tiếp cận hạ tầng cơ sở sẵn có của ngành dầu khí, giúp tối ưu hóa chi phí, tránh lãng phí trong đầu tư.

- Đối với Nhà nước: có hành lang pháp lý để quản lý vấn đề tiếp cận hạ tầng cơ sở sẵn có của ngành dầu khí, tối ưu hóa chi phí đầu tư và hạ tầng ngành năng lượng, tăng thu ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của các phương án, cho thấy việc đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí tại Luật Dầu khí mới có tác động tích cực với nhiều chủ thể trong xã hội, đối với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các đối tượng khác liên quan. Do đó, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2.

III. LẤY Ý KIẾN

Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan và tổ chức có liên quan rà soát thực trạng quy định pháp luật, tổng kết đánh giá thi hành Luật Dầu khí. Cụ thể:

- Tổ chức các cuộc họp, hội thảo về các vướng mắc, bất cập về Luật Dầu khí và các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) dưới Luật, định hướng sửa đổi Luật Dầu khí vào ngày 25 tháng 10 năm 2019 (tại Hà Nội), ngày 17 tháng 12 năm 2019 (tại Hà Nội) và ngày 11 tháng 11 năm 2019 (tại thành phố Hồ Chí Minh) với sự tham gia của các Bộ, ngành, PVN, Tổng công ty Thăm dò Khai thác dầu khí (PVEP), Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI), Hội Dầu khí Việt Nam, cùng một số các Nhà thầu/Người điều hành dầu khí.

- Ngày 18 tháng 12 năm 2019, Bộ Công Thương đã có Công văn số 9716/BCT-DKT gửi các Nhà thầu Dầu khí/Người điều hành dầu khí và Công văn số 9717/BCT-DKT gửi PVN, PVEP, VPI đề nghị đánh giá tình hình thực hiện Luật Dầu khí.

- Từ ngày 13 đến ngày 17 tháng 7 năm 2020, Đoàn công tác của Bộ Công Thương đã làm việc trực tiếp với PVN, PVEP và một số Nhà thầu/Nhà điều hành dầu khí về việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực dầu khí.

- Ngày 13 tháng 10 năm 2020, Bộ Công Thương có Công văn số 7701/BCT-DKT lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan và đăng tải dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Dầu khí (thay thế Luật Dầu khí năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 và 2008) lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công Thương theo quy định.

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu các ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân, Nhà thầu/Người điều hành dầu khí (Bảng tổng hợp các ý kiến kèm theo), Bộ Công Thương nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu và giải trình đầy đủ ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách và Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Dầu khí mới.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

Trách nhiệm thi hành Luật là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí trong phạm vi cả nước.

- Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về dầu khí.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Công Thương trong quản lý nhà nước về dầu khí.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về lao động trong phạm vi địa phương mình.

2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật

- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật.

- Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

- Phân công, phối hợp liên ngành để triển khai thực hiện Luật, tập trung tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về dầu khí.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về dầu khí,

- Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động dầu khí.

- Tổ chức, các nhân nào có hành vi vi phạm các quy định của luật này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dầu khí mới (thay thế Luật Dầu khí năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 và 2008).

Bộ Công Thương kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- VPCP;
- Bộ TP;
- Lưu: VT, DKT.



Trần Tuấn Anh